|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2021/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**DỰ THẢO**

**Về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai**

Thường trực tổ biên tập kính trình Tổ trưởng xem xét và cho ý kiến chỉ đạo.

Tổ Phó

L.M.Nhật

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai (sau đây gọi tắt là Quỹ).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại Việt Nam.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ**

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch.
3. Hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.
4. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

**Điều 4. Địa vị pháp lý của Quỹ**

1. Quỹ phòng, chống thiên tai là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập để hỗ trợ cho công tác phòng, chống thiên tai; có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Quỹ được thành lập ở Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (sau đây gọi tắt là Quỹ trung ương) và ở cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý (sau đây gọi tắt là Quỹ cấp tỉnh).

**Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ**

1. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai hoạt động Quỹ theo quy định của Luật phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý, sử dụng vốn điều lệ, các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và các nguồn hợp pháp khác để triển khai các hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá các nhiệm vụ do Quỹ bố trí kinh phí.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định liên quan đến hoạt động của Quỹ.

5. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRUNG ƯƠNG**

**Điều 6. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ trung ương**

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ trung ương gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và cơ quan quản lý Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập, bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng.

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm, gồm đại diện lãnh đạo đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ và một số Bộ, ngành khác có liên quan.

c) Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của mình trước pháp luật và trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Ban kiểm soát Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai là cơ quan quản lý Quỹ trung ương, sử dụng bộ máy của mình để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ trung ương theo quy định của pháp luật. Tổ chức quản lý của Quỹ trung ương hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

5. Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ trung ương quy định cụ thể về Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Cơ quan quản lý Quỹ trung ương và các quy định khác có liên quan do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

**Điều 7. Nguồn tài chính của Quỹ trung ương**

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ đồng) do ngân sách trung ương cấp và được cấp đủ trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập. Quỹ được cấp vốn bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ.

2. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Điều tiết từ Quỹ cấp tỉnh theo quyết định của Thủ tướng chính phủ. Căn cứ tồn Quỹ cấp tỉnh kể từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; Thủ tướng Chính phủ quyết định điều tiết về Quỹ trung ương theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn..

4. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

**Điều 8. Nội dung chi Quỹ trung ương**

1. Cứu trợ, hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai khẩn cấp khi vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

2. Hỗ trợ các công trình nhà chống lũ, bão và một số loại hình thiên tai khác cho người dân và các công trình phòng chống thiên tai.

3. Hỗ trợ các hoạt động thông tin, truyền thông, đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân ở địa phương.

4. Hỗ trợ các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai cho các địa phương chịu thiệt hại bởi thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương và hỗ trợ, trợ cấp đột xuất các gia đình nạn nhân và người trực tiếp tham gia phòng, chống thiên tai bị thiệt hại do thiên tai.

5. Hỗ trợ cho các dự án khẩn cấp chưa được bố trí kinh phí hoặc được bố trí một phần kinh phí, chương trình điều tra cơ bản và các hoạt động phòng chống thiên tai liên tỉnh, liên vùng, liên ngành hoặc có phạm vi ảnh hưởng lớn.

6. Chi phí quản lý và các chi phí phát sinh để điều hành hoạt động của Quỹ trung ương.

**Điều 9. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán**

 1. Chế độ tài chính

a) Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ trung ương lập kế hoạch tài chính gồm: kế hoạch hoạt động, kế hoạch thu, kế hoạch chi tài chính thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

 b) Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ trung ương lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

2. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

a) Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán

b) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

 c) Thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

**Điều 10. Chế độ báo cáo, chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ trung ương**

1. Thông tin về hoạt động của Quỹ trung ương được trao đổi với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của Cơ quan quản lý Quỹ trung ương gồm:

a) Thông tin cơ bản về Quỹ;

b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch hoạt động hàng năm;

c) Báo cáo quyết toán thu, chi và nội dung chi;

d) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm;

e) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức của Quỹ.

2. Các thông tin về Quỹ trung ương phải được công bố trên trang thông tin điện tử, đồng thời được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Cơ quan quản lý Quỹ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Quỹ trung ương tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của Quỹ;

c) Thay đổi người quản lý, gồm thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng Quỹ, thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ trung ương;

d) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý Quỹ trung ương;

đ) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Quỹ trung ương;

e) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ trung ương hoặc người được ủy quyền thực hiện việc công bố thông tin và phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời của thông tin được công bố.

**Điều 11. Mối quan hệ giữa Quỹ trung ương và Quỹ cấp tỉnh**

 1. Trách nhiệm của Quỹ trung ương:

Cơ quan quản lý Quỹ trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí của Quỹ cấp tỉnh;

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và trao đổi, học tập kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý giữa các Quỹ cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của Quỹ cấp tỉnh:

a) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản điều tiết từ Quỹ trung ương;

b) Chuyển kinh phí cho Quỹ trung ương theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ trung ương đối với nguồn vốn do Quỹ Trung ương hỗ trợ;

d) Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Quỹ cho Cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương III**

**QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CẤP TỈNH**

 **Điều 12. Bộ máy quản lý và điều hành Quỹ cấp tỉnh**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ cấp tỉnh, ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức công tác thu, nộp Quỹ.

 2. Cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai là cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh; sử dụng bộ máy của mình để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. tổ chức quản lý Quỹ cấp tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Giám đốc Quỹ cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung chi và định mức chi của Quỹ cấp tỉnh.

 **Điều 13. Nguồn tài chính của Quỹ cấp tỉnh**

1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn:

Đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

1. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
2. Điều tiết từ Quỹ trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh.
3. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

**Điều 14. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ**

1. Đối tượng được miễn đóng góp:
2. Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;
3. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ;
4. Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;
5. Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề;

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

1. Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung của các văn bản nêu trên (nếu có);

1. Hợp tác xã không có nguồn thu;
2. Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị, phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 5 ngày trở lên.
3. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

 Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

**Điều 15. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 14 Nghị định này.
2. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ của địa phương được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ cấp tỉnh, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

**Điều 16. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ**

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định này chuyển vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh hoặc tài khoản của quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, nhân viên trong lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh hoặc vào tài khoản của quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn (trừ các đối tượng đã thu tại Khoản 2 Điều này) và chuyển vào tài khoản của quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

4. Thời hạn nộp Quỹ: Đối với cá nhân nộp một lần trước 30 tháng 5 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 30 tháng 5, số còn lại nộp trước 30 tháng 10 hàng năm. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh kéo dài và ảnh hưởng phạm vi lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, điều chỉnh thời hạn nộp Quỹ cho phù hợp.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

a) Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh.

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng người lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ tại các cấp.

**Điều 17. Nội dung chi của Quỹ**

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên cứu trợ khẩn cấp, hỗ trợ trung hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai và các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai và lực lượng được huy động tham gia hoạt động ứng phó thiên tai.

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

c) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý khẩn cấp công trình phòng chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu tiền mặt cấp xã nhưng không vượt quá 5% số thu thực tế của Quỹ trên địa bàn cấp xã. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu cấp tỉnh, huyện; chi hoạt động quản lý Quỹ và các chi phí phát sinh tại cấp tỉnh, huyện, xã nhưng không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh.

3. Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trích lại tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn mỗi cấp trước khi nộp lên cấp trên để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

**Điều 18. Thẩm quyền chi Quỹ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

1. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 19. Báo cáo, phê duyệt quyết toán**

1. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ cấp tỉnh của năm trước với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong Quý I của năm sau. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ trung ương và Bộ Tài chính trước ngày 25 hằng tháng.

3. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 20. Thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động Quỹ**

1. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ. Có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, các nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ kế hoạch thu Quỹ đã được phê duyệt hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất (khi cần thiết) việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

4. Cơ quan Mặt trận tổ quốc cấp tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về Quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện

 **Điều 21. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ**

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, bằng các hình thức: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

3. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện bằng các hình thức: niêm yết tại trụ sở Quỹ, thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp Quỹ, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN,**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

**Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Quỹ trung ương.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo thực hiện các nội dung, quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai.

c) Chủ trì, phối hợp với Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Quản lý, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai.

e) Chủ trì, tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất về việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ cấp tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu, chi Quỹ cấp tỉnh; chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ; chỉ đạo việc công khai thông tin về Quỹ theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 23. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài tại Việt Nam và cá nhân có nghĩa vụ đóng góp Quỹ**

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài tại Việt Nam và cá nhân quy định tại Điều 13 Nghị định này có nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ theo quy định.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

**Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐNC, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGDD Cổng TTDT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, PCTT (20b). | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |